TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25/4/2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Lê Đình Cự.**
2. **Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.**
- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Trịnh Lê Nhung** – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà:*
Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Anh Lê Minh T,** sinh năm 1988
** Bị đơn:* **Chị Vũ Thị Diệu B**, sinh năm 1996
Đều trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Anh T có mặt; chị B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2018; Bản tự khai ngày 02/01/2019; Biên bản hòa giải ngày 25/01/2019 và tại phiên tòa anh Lê Minh T nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị B nảy sinh tình cảm từ năm 2014, sau đó do không hợp nhau nên anh và chị B chia tay thì chị B có thai và đến ngày 28/11/2015, chị B sinh con. Anh và chị B tổ chức lễ cưới vào tháng 3/2017 nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi tổ chức lễ cưới, anh và chị B chung sống tại gia đình nhà anh tại thôn P, tại xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị B giấu anh đi vay nợ ở ngoài của rất nhiều người và còn vay nợ của cả tổ

chức tín dụng đen. Chị B không trả được nợ nên chủ nợ nhiều lần tìm đến gia đình anh để đòi tiền, gây áp lực cho gia đình anh; chị B thì trốn tránh không dám gặp người đòi nợ và tắt điện thoại. Gia đình anh đã nhiều lần bỏ qua, đã trả cho chị B một số khoản nợ và khuyên bảo chị B nhưng chị B vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn đỉnh điểm vào tháng 5/2018, có hai thanh niên đến nhà anh đòi nợ 25 triệu do chị B vay và có những lời lẽ đe dọa nên anh đã đưa chị B về nhà bố mẹ đẻ chị B, ngoài ra chị B là người không biết chăm con, tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị B không còn nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Vũ Thị Diệu B.

* *Về con chung:* Anh và chị B có 01 con chung: Lê Minh Phúc T, sinh ngày 28/11/2015. Vì anh và chị B chưa có đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh không có tên bố là "Lê Minh T". Nay anh yêu cầu Tòa án công nhận con Lê Minh Phúc T là con chung của anh và chị B. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi con Lê Minh Phúc T và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Chị B không có công việc ổn định và hay đi vay nợ, không biết chăm con nên chị B không đủ điều kiện để nuôi con, anh khẳng định từ khi sinh con anh và gia đình đã chu cấp toàn bộ chi phí để nuôi con Lê Minh Phúc T.

* *Về tài sản:* Anh và chị B không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2019; Biên bản hòa giải ngày 25/01/2019 chị Vũ Thị Diệu B bị đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị có nảy sinh tình cảm với anh Lê Minh T từ năm 2014. Sau khi chị và anh T chia tay thì chị có thai và sinh con vào ngày 28/11/2015. Sau khi sinh con gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới cho chị và anh T vào tháng 3/2017 nhưng chị và anh T không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi tổ chức lễ cưới chị và anh T sống cùng gia đình nhà anh T tại thôn P, xã Đ, Đông Hưng, Thái Bình. Quá trình chị chung sống cùng với gia đình nhà anh T, chị có cùng làm việc và giúp đỡ công việc của gia đình nhà chồng. Trong thời gian chị mang thai anh T không quan tâm đến chị, chỉ nhắn tin hỏi thăm chị hai lần.

Sau khi sinh con thì chị và con ở tại nhà bố mẹ đẻ, chị nuôi con 18 tháng, trong thời gian nuôi con 18 tháng chỉ có bố mẹ anh T quan tâm như mang sữa cho con, anh T không quan tâm gì đến chị và con, chỉ thi thoảng nhắn tin hỏi thăm. Chị xác định giữa chị và anh T không có tình cảm với nhau, trong thời gian chung sống tại gia đình anh T thì gia đình anh T không cho chị bế con, chăm con. Đối với yêu cầu của anh T về việc không công nhận vợ chồng, chị xác định giữa chị và anh T không còn tình cảm nên chị đồng ý.

* *Về con chung:* Chị và anh T có 01 con chung: Lê Minh Phúc T, sinh ngày

28/11/2015, hiện con đang ở với chị, nếu anh T vẫn yêu cầu không công nhận là vợ chồng thì chị có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị theo quy định của pháp luật.

* *Về tài sản:* Chị và anh T không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

* *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chị Vũ Thị Diệu B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tiến hành hòa giải và tại các phiên tòa nhưng chị B đều vắng mặt không có lý do nên việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa nghiêm chỉnh.

* *Về nội dung:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh T và chị Vũ Thị Diệu B chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống giữa anh T, chị B đã nẩy sinh nhiều mâu thuẫn, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng vợ chỗng vẫn không đoàn tụ gia đình. Nay anh T làm đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng, chị B đồng ý nên đề nghị HĐXX tuyên anh T, chị B không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Anh T, chị B đều thừa nhận có 01 con chung là Lê Minh Phúc T, sinh ngày 28/11/2015, ngoài ra còn được chứng minh bằng kết luận giám định ADN số 02/19/TC-ADN ngày 21/3/2019 của Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền. Vì vậy xác định cháu Lê Minh Phúc T, sinh ngày 28/11/2015 là con chung của anh T, chị B. Sau khi không công nhận là vợ chồng anh T, chị B đều có nguyện vọng nuôi con. Trên cơ sở các tài liệu các đương sự đã nộp cũng như tài liệu Tòa án tiến hành xác minh, xác định anh T có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian chăm sóc giáo dục và chỗ ở để nuôi dưỡng cháu Lê Minh Phúc T nên đề nghị HĐXX giao con Lê Minh Phúc T cho anh T trực tiếp nuôi và chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị B đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Anh T, chị B không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Minh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng:*** Nguyên đơn, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình nên căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật

tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp luật. Quá trình giải quyết nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chị Vũ Thị Diệu B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tiến hành hòa giải nhưng chị B đều vắng mặt không có lý do nên việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa nghiêm chỉnh.

Tại phiên tòa ngày 18/4/2019, chị Vũ Thị Diệu B đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa ngày 25/4/2019, chị Vũ Thị Diệu B vẫn tiếp tục vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Vũ Thị Diệu B.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Minh T và chị Vũ Thị Diệu B nảy sinh tình cảm với nhau từ năm 2014, do không hợp nhau giữa anh T, chị B đã chia tay, tuy nhiên chị B đã có thai và sinh con vào ngày 28/11/2015 lấy tên là "Lê Minh Phúc T". Sau khi sinh con gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới cho anh T và chị B vào tháng 3/2017 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi cưới anh T, chị B chung sống cùng gia đình nhà anh T tại thôn P, xã Đ, Đông Hưng, Thái Bình. Quá trình chung sống giữa anh T, chị B nẩy sinh nhiều mâu thuẫn với nhau và giữa anh T, chị B cũng không còn tình cảm với nhau. Đến tháng 5/2018 mâu thuẫn vợ chồng đến đỉnh điểm nên anh T đã đưa chị B về nhà bố mẹ chị B để sinh sống. Nay anh T xác định giữa anh và chị B không còn tình cảm nên anh yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh và chị B, chị B cũng đồng ý.

[2.1.1] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 17/01/2019 giữa anh T và chị B, UBND xã Đ và cơ sở thôn P cung cấp như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh T và chị Vũ Thị Diệu B chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Theo chính quyền địa phương được biết thì anh T, chị B có tổ chức lễ cưới vào tháng 3/2017, sau đó anh T, chị B về chung sống cùng gia đình anh T đến tháng 5/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị B có giấu giếm gia đình nhà chồng việc vay nợ, chỉ đến khi một số đối tượng đên đòi nợ chị B, anh T mới biết và đã khuyên bảo và trả nợ cho chị B một vài lần nhưng chị B vẫn không thay đổi nên anh T đã đưa chị B về gia đình nhà chị B trả cho bố mẹ chị B và anh T, chị B cũng không chung sống

với nhau từ đó. Nay anh T yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với chị B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh T, chị B có 01 con chung là Lê Minh Phúc T, sinh ngày 28/11/2015. Lý do trong giấy khai sinh của cháu Lê Minh Phúc T không có tên bố là Lê Minh T vì anh T, chị B không có đăng ký kết hôn nên UBND xã Đ không khai sinh họ tên cha là "Lê Minh T". Tuy nhiên sau khi sinh cháu Lê Minh Phúc T thì anh T và gia đình đã chăm lo cho cháu T. Đề nghị Tòa án xác minh, thu thập thêm chứng cứ làm cơ sở để giải quyết về con chung.

[2.1.2] Quá trình Tòa án giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập chị B nhiều lần mục đích để hòa giải cho anh T, chị B hiểu vấn đề và thông cảm, chia sẻ, bỏ qua mâu thuẫn trở về đoàn tụ gia đình, nuôi dậy con chung, làm ăn kinh tế nhưng chị B chỉ có mặt tại Tòa án duy nhất một lần.

Nay anh T yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng đối với chị B, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị B đã trầm trọng và không thể kéo dài. Chị B cũng thừa nhận giữa chị và anh T cũng không có tình cảm, chị B cũng đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T xử không công nhận vợ chồng giữa anh T và chị B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:*

Anh Lê Minh T, chị Vũ Thị Diệu B khai vợ chồng có 01 con chung là Lê Minh Phúc T, sinh ngày 28/11/2015, tuy nhiên trong giấy khai sinh của con Lê Minh Phúc T tại phần họ tên cha không có tên anh T là do giữa anh T, chị B chưa có đăng ký kết hôn nên không làm thủ tục đăng ký họ tên cha là "Lê Minh T". Quá trình giải quyết vụ án anh T, chị B đều xác định con Lê Minh Phúc T là con chung, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định ADN đối với cháu Lê Minh Phúc T tại Bản kết luận giám định ADN của Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền số 02/19/TC-ADN ngày 21/3/2019 kết luận:

" - Lê Minh T có quan hệ huyết thống bố - con với Lê Minh Phúc T, độ tin cậy 99,9999%.

- Vũ Thị Diệu B có quan hệ huyết thống mẹ - con với Lê Minh Phúc T, độ tin cậy 99,9999%".

Như vậy đủ cơ sở xác định cháu Lê Minh Phúc T, sinh ngày 28/11/2015 là con chung của anh Lê Minh T và chị Vũ Thị Diệu B.

Trường hợp Tòa án không công nhận anh T, chị B là vợ chồng thì anh T, chị B đều có nguyện vọng nuôi con chung là Lê Minh Phúc T và không bên nào yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Xét nguyện vọng của anh T, chị B đều chính đáng, tuy nhiên quá trình xác

minh, thu thập chứng cứ, HĐXX thấy rằng:

Chị B cho rằng quá trình chị mang thai anh T không đến thăm chị mà chỉ nhắn tin hỏi thăm, sau khi sinh con anh T cũng không quan tâm đến mẹ con chị, tuy nhiên anh T cho rằng quá trình chị B mang thai anh T cũng thường xuyên gọi điện, quan tâm, sau khi sinh con thì anh và gia đình luôn quan tâm chăm sóc con và chu cấp hoàn toàn chi phí nuôi con.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Đ và tại Trường mầm non xã Đ đều xác định anh T, chị B đều có trách nhiệm trong việc chăm sóc con chung như đưa đón con và nộp các chi phí học cho con.

Đối với chị Vũ Thị Diệu B là người đã quan tâm con Lê Minh Phúc T rất nhiều và chịu nhiều thiệt thòi trong quá trình mang thai và sinh con Lê Minh Phúc T, nên chị B cũng khẳng định chị có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu chị B nộp các tài liệu liên quan đến thu nhập, thời gian làm việc của chị tại Công ty cổ phần may Việt Hưng nhưng chị đã không nộp. Tại biên bản xác minh ngày 17/4/2019 Ban giám đốc Công ty CP may Việt Hưng cung cấp cho Tòa án như sau:

Chị Vũ Thị Diệu B vào làm việc tại Công ty từ ngày 10/8/2018, theo quy định của công ty thì thời gian thử việc là 01 tháng (trường hợp công nhân chưa đạt được tay nghề thì tiếp tục thử việc tháng thứ 2).

Về thời gian làm việc tại Công ty là 09 giờ/1 ngày: Buổi sáng bắt đầu từ 07giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 12giờ 30 phút đến 17giờ 30 phút.

Về thu nhập 03 tháng gần nhất của chị B, cụ thể: Tháng 12/2018 là 6.325.796đồng; Tháng 01/2019 là 6.814.895đồng; Tháng 02/2019 là 6.312.120đồng. Thu nhập trên chưa trừ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu trừ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thì mỗi tháng phải trừ là 344.000đồng).

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải và tại các phiên tòa chị B đều được tống đạt hợp lệ các Quyết định và giấy triệu tập nhưng chị B đều vắng mặt không có lý do.

Đối với anh Lê Minh T, hiện là Bí thư đoàn xã Đ có thu nhập như sau: Mã ngạch 01003; Bậc 1; Hệ số lương 2,34; Phụ cấp chức vụ 0,15; Phụ cấp phân loại xã 5%, thực hiện từ ngày 01/01/2017. Ngoài ra anh T làm thêm cùng với gia đình hàng tháng thu nhập khoảng 10.000.000đồng có xác nhận của Công ty. Các điều kiện khác như thời gian chăm sóc giáo dục con, chỗ ở cho con anh T cũng đủ để đảm bảo nuôi con Lê Minh Phúc T.

Vì vậy trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên và đánh giá chứng cứ do Tòa án thu thập, thấy rằng: Tại các phiên hòa giải và phiên tòa chị B đều vắng mặt không có lý do chính đáng nên việc giao con Lê Minh Phúc T cho chị B trực tiếp nuôi con

là không phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật, bên cạnh đó xét thấy anh T có đủ điều kiện để đảm bảo quyền và lợi ích của cháu Lê Minh Phúc T và chia sẻ một phần trách nhiệm của người bố đối với con nên cần chấp nhận nguyện vọng của anh T, giao con Lê Minh Phúc T, sinh ngày 28/11/2015 cho anh T trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa. Ngoài ra chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản:* Anh T, chị B không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí:* Anh Lê Minh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] *Về chi phí trưng cầu giám định ADN*: Anh Lê Minh T tự nguyện chịu cả chi phí trưng cầu giám định ADN (anh T đã trực tiếp nộp cho cơ quan trưng cầu giám định) nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh Lê Minh T và chị Vũ Thị Diệu B.

2. Về con chung: Xử công nhận con Lê Minh Phúc T, sinh ngày 28/11/2015 là con chung của anh Lê Minh T và chị Vũ Thị Diệu B và giao con chung Lê Minh Phúc T, sinh ngày 28/11/2015 cho anh Lê Minh T trực tiếp nuôi và chấp nhận việc anh Lê Minh T không yêu cầu chị Vũ Thị Diệu B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Anh T, chị B không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007857 ngày 02/01/2019 thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Anh Lê Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Vũ Thị Diệu B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Hưng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

HOÀNG VĂN THÀNH